

rãi. Phần lớn vốn sẽ do cơ sở sản xuất gánh vác nếu họ tự chọn đề tài, nếu KTTB đó thật sự giúp họ giải quyết khó khăn. Có nhiều đại biểu cho rằng khi cần họ sẵn sàng mua gọn KTTB, giá cả sẽ theo tính toán, hợp lý và cùng nhau thỏa thuận.

Những khía cạnh về pháp lý của vấn đề đưa KTTB vào sản xuất cũng được đề cập. Hội thảo cho rằng phải có những quy định có tính pháp lý để một đề tài nghiên cứu xong có hiệu lực áp dụng rộng rãi thể hiện qua hệ thống quy phạm, quy trình. Cũng phải qua quy định pháp lý để bảo hộ quyền khi giả tác có KTTB được áp dụng vào sản xuất, tránh được hiện tượng giữ bí quyết kỹ thuật, hạn chế việc phổ cập KTTB.

Trong hội thảo nhiều vấn đề khác cũng được nêu ra nhằm tạo điều kiện để KTTB có thể được áp dụng nhanh chóng. Các đại biểu đề nghị ngân hàng nên nghiên cứu chế độ vay vốn (với lãi suất thấp hoặc không có lãi) hùn, vốn cho áp dụng KTTB. Mặt khác cũng nhanh chóng ban hành hướng dẫn cụ thể việc áp dụng các quy định về khuyến khích vật chất, tinh thần cho những cá nhân tập thể có KTTB được áp dụng vào sản xuất, nghiên cứu các đòn bẩy kinh tế nhằm thúc đẩy cơ sở sản xuất áp dụng KTTB. Về mặt lý thuyết cũng nên nghiên cứu phương pháp hướng dẫn tính toán hiệu quả kinh tế áp dụng KTTB trong ngành xây dựng, làm cơ sở cho việc sử dụng các đòn bẩy kinh tế.

Qua hội thảo, những vấn đề chung và lớn đã được đề cập những nét chính đã được phác thảo. Chắc chắn rằng sẽ còn phải kinh qua thử nghiệm trong thực tế sản xuất mới có thể thấy

(Xem tiếp trang 34)

Vấn đề bảo vệ và nâng cao hiệu quả của công trình thủy lợi

NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG

Nhiều công trình thủy lợi đã xây dựng chưa phát huy được hết tác dụng. Việc bảo vệ và quản lý để nâng cao hiệu quả của công trình cần phải được quan tâm. Điều đó đòi hỏi mọi người, các cấp chính quyền, các ngành liên quan cần nhận thức đầy đủ và phối hợp hoạt động nhịp nhàng nhằm quản lý, tổ chức khai thác tốt các công trình đó.

Để thực hiện thắng lợi chương trình lương thực của Đảng, công tác thủy lợi có vị trí và tác dụng vô cùng quan trọng. Cùng với việc hàng năm Nhà nước và nhân dân đầu tư vào xây dựng mới nhiều công trình thủy lợi để mở rộng thêm diện tích sản xuất được tưới tiêu chủ động, công tác quản lý để nâng cao hiệu quả của công trình hiện có cũng rất có ý nghĩa.

Việt Nam là một trong những nước trên thế giới mà nguồn lương thực chủ yếu của con người là lúa gạo. Sự xuất hiện ngày càng nhiều nhiều giống lúa mới có năng suất cao đã mở ra một viễn cảnh thuận lợi, nhưng để đưa được giống lúa đó vào sản xuất thì ngoài các điều kiện phân bón, thuốc trừ sâu, v.v. thì yêu cầu về tưới tiêu chủ động, khoa học là quyết định. Theo số liệu thống kê trên thế giới chỉ có 17% diện tích canh tác được tưới tiêu chủ động nhưng đã đóng góp hơn 50% tổng sản lượng về nông nghiệp. Nhật Bản là nước trồng nhiều lúa nước và sử dụng nhiều giống lúa có năng suất cao nhưng cũng đầu tư khá nhiều các công trình thủy lợi và cố gắng rất nhiều để phát triển tưới tiêu, bảo đảm điều tiết cấp thoát nước, quản lý hợp lý mới có được những thành công trong nông nghiệp.

Chúng ta đã khẳng định thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp. Xây dựng và quản lý tốt các công trình thủy lợi là tạo điều kiện vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp phát triển.

Tính đến nay chúng ta đã xây dựng được một số công trình thủy lợi (trên 650 hồ đập vừa và lớn, hơn 3500 hồ đập nhỏ, hơn 2700 trạm bơm với tổng số hơn 10.000 tđ máy), với năng lực thiết kế của công trình đã phục vụ tưới cho hơn 2 triệu héc ta và tiêu cho gần 1 triệu héc ta. Nhờ vậy mà sản xuất nông nghiệp đã có những phát triển.

Mặc dù ta đã qua nhiều lần hoàn chỉnh các hệ thống thủy lợi nhưng hiện nay vẫn còn bộ lộ một số diêm cần được tiếp tục giải quyết.

Quản lý có hiệu quả một hệ thống thủy lợi đã có là một việc làm có tính khoa học và xã hội. Đặt vấn đề coi trọng và nâng cao công tác quản lý khai thác bảo vệ tốt công trình thủy nông là xác định rõ nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm của toàn dân. Trong cơ chế khoán về nông nghiệp hiện nay, đề phát huy quyền chủ động của các xí nghiệp và tiến tới kinh doanh hạch toán kinh tế theo hệ thống, rõ ràng khâu quản lý tổ chức phải có những suy nghĩ biến chuyển mới. Chúng tôi cho rằng phải chú ý một số diêm sau:

1. Nhất quán trong nhận thức về vai trò cần thiết của thủy lợi đối với sản xuất nông nghiệp,

Nước ta ruộng đất canh tác không nhiều (bình quân chỉ khoảng 0,1 ha/người), nền kinh tế hiện nay chủ yếu còn dựa vào nông nghiệp. Để bảo đảm và cải thiện đời sống nhân dân phải tăng vụ, thâm canh và tăng năng suất. Tuy hàng năm ta có lượng mưa nhiều (bình quân 1800 ÷ 2000mm) nhưng phân bố lại không đều trong năm (thường 80% tập trung vào một số tháng trong mùa mưa) nên vẫn thường gặp cảnh úng lụt và hạn hán.

Thực tế cho thấy những vùng có công trình thủy lợi, được điều tiết nước chủ động đã đưa hệ số vòng quay ruộng đất trong năm từ 1 lên trên 2 lần. Do được tưới tiêu chủ động, cung cấp nước phù hợp hơn với yêu cầu sinh trưởng của cây trồng mà năng suất đã tăng lên hoặc đảm bảo an chắc.

Trong vùng hưởng lợi của Xí nghiệp thủy nông Bắc Đương (Hà Bắc) với điều kiện kỹ thuật canh tác không đổi, trước và sau khi có công trình thủy lợi phục vụ thì năng suất và sản lượng đã tăng lên 11 ÷ 16%. Khi có thêm yếu tố phân bón và kỹ thuật canh tác tiên tiến, giống mới... năng suất sản lượng tăng 40 ÷ 43%.

Trong vùng hưởng lợi của hồ chứa nước Kê Gồ (Nghệ Tĩnh) năng suất lúa đã từ 1,3 tấn/ha tăng lên 2,6 tấn/ha.

Ở Nhật mức giảm năng suất cây lúa phụ thuộc vào mức bị ngập nước theo các thời kỳ sinh trưởng như sau:

Thời kỳ sinh trưởng	Dạng ngập	Năng suất giảm (%) Tùy theo thời gian ngập (ngày)			
		1 ÷ 2	3 ÷ 4	4 ÷ 7	≥ 7
1	2	3	4	5	6
20 ngày, sau khi có nhánh non	Ngập hoàn toàn, trong nước	10	20	30	35
Tạo nhánh non	Ngập 1 phần, nước trong	10	30	65	90 ÷ 100
	Ngập 1 phần, nước đục	20	50	85	90 ÷ 100
	Ngập hoàn toàn, nước trong	25	45	80	80 ÷ 100
	Ngập hoàn toàn, nước đục	70	80	85	90 ÷ 100
Trò bông	Ngập hoàn toàn, nước đục	30	80	90	90 ÷ 100
	Ngập hoàn toàn, nước trong	0	15	20	20
Chín	Ngập hoàn toàn, nước đục	5	20	30	30
	Ngập hoàn toàn, nước trong	0	15	20	20

(ngập 1 phần là cây lúa còn 9 ÷ 15cm ở trên mặt nước).

Theo một tài liệu khác của FAO, số liệu tổng kết với cây lúa mì ảnh hưởng giữa thủy lợi và các biện pháp khác:

Nếu không tưới thì năng suất 841 kg/ha

Nếu đầu tư phân bón, không được tưới nước, năng suất 1553kg/ha tăng 85%

Nếu đầu tư tưới nước, không đầu tư phân bón, năng suất 1246kg/ha, tăng 48%.

Nếu đầu tư cả phân bón, cả tưới năng suất 2496 kg/ha, tăng 179%.

Một trong những nguyên nhân dẫn đến giảm hiệu quả của hệ thống thủy lợi hiện nay, một phần là do chúng ta chưa thật quán triệt hết vị trí tác dụng của nó, nên dẫn đến sử dụng nước tùy tiện, không bảo vệ gìn giữ công trình, kế hoạch sản xuất nông nghiệp không gắn với khả năng công trình phục vụ, lấy nước - tháo nước không khoa học, cấp - ngắt điện cho bơm nước tưới tiêu rất tùy tiện, trách nhiệm tham gia đóng góp nghĩa vụ đối với tu sửa quản lý công trình chưa cao. Để tạo điều kiện tốt cho việc quản lý, bảo vệ và khai thác hệ thống thủy nông, cần phải quán triệt sâu rộng về tác dụng của nó đối với sản xuất nông nghiệp trong toàn dân. Một khi mọi người đã ý thức được điều đó, chính người dân, các cấp chính quyền, các ngành kinh tế khác sẽ trân trọng bảo vệ công trình, sử dụng hợp lý và có hiệu quả tài sản vô giá này để trở lại phục vụ trực tiếp cho cuộc sống của mình.

2. Tăng cường công tác quản lý hệ thống. Nội dung của công tác quản lý thủy nông và những yêu cầu kỹ thuật khác đã được quy định rất rõ trong Nghị định số 141 - CP ngày 26-9-3 của Chính phủ (ban hành điều lệ quản lý khai thác và bảo vệ các công trình thủy nông), Thông tư số 31/TL ngày 3-10-1963 của Bộ thủy lợi (hướng dẫn thi hành nghị định số 141 - CP) và Thông tư số 13 TL/TT ngày 6-8-70 của Bộ thủy lợi (quy định tổ chức quản lý hệ thống thủy nông). Năm vững yêu cầu và nội dung của những quy định này sẽ giúp ta hoàn thành tốt, đầy đủ nhiệm vụ về quản lý hệ thống. Các cụm và xí nghiệp thủy nông, các địa phương nên cụ thể hóa từng phần cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế thành nội quy quản lý cho hệ thống của mình. Đồng thời cấp quản lý trực tiếp cụm hay xí nghiệp thủy nông đó phải phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức kiểm tra định kỳ việc thực hiện những quy định tại xí nghiệp và các đơn vị hành chính trong phạm vi ảnh hưởng của hệ thống.

Về quản lý công trình: phải đặc biệt chú ý phân lý lịch công trình và thường xuyên bổ sung những tài liệu theo dõi quan trắc hệ thống trong quá trình quản lý thực tế, đây là những

cơ sở để ta nghiên cứu, xem xét xử lý về kỹ thuật trong quá trình quản lý công trình để sử dụng có hiệu quả nó phát hiện kịp thời những tồn tại bất hợp lý, để có kế hoạch bổ sung.

Các quy định về bảo vệ hệ thống, những nội quy sử dụng khai thác công trình có liên quan đến việc sử dụng nguồn nước, yêu cầu và kỹ thuật tưới tiêu nước cho cây trồng cần được phổ biến cho toàn dân học tập.

Trong thực tế đã gặp: do cấp điện cho trạm bơm tưới tiêu thất thường, tùy tiện mà hiệu quả công trình giảm, có khi tới 50%. (Bơm nam sông Ma Thanh Hóa hàng năm chỉ bảo đảm tưới khoảng 6000 ÷ 6500 ha trong số 12500 ha nhiệm vụ được giao) hoặc lãng phí (xí nghiệp thủy nông Bắc Đường bình quân của 1984, 1985, mỗi hecta tưới tiêu đã lãng phí khoảng 20 ÷ 30 kw/h do phải bơm phục hồi lại nước trong kênh vì cấp điện không liên tục).

Do đào cuốc bờ kênh, lấy nước tùy tiện không theo kỹ thuật, lòng kênh sạt lở bồi lấp dẫn đến tình trạng nơi thừa, nơi thiếu.

Nếu mọi người, mọi cấp nhận thức được tác dụng, ý nghĩa của công trình đối với cuộc sống của họ thì chính đây là động lực góp phần tích cực cho hệ thống hoạt động tốt.

Quản lý nước tốt trên một hệ thống nông giang mà cụ thể của nó là việc sử dụng nước một cách khoa học trên phạm vi rộng lớn của đồng ruộng vùng hưởng lợi, khi thiết kế công trình yêu cầu về cấp, thoát nước trong hệ thống thường được dựa trên một cơ sở kế hoạch nào đó. Sự định lượng này phụ thuộc hoàn toàn từ một phương án sản xuất của nông nghiệp bao gồm nhiều yếu tố về thời vụ, giống và loại cây trồng, mật độ phân bố mỗi loại, sự kiến thiết xây dựng đồng ruộng. Tất nhiên sẽ gặp nhiều biến động, thay đổi từ thực tế hàng năm so với dự kiến ban đầu khi thiết kế công trình. Để có được một kế hoạch cấp thoát nước sát và đáp ứng được yêu cầu sản xuất, hiệu quả công trình phát huy được cao, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa thủy lợi (xí nghiệp thủy nông) - chính quyền địa phương và nhân dân vùng hưởng lợi - cơ quan nông nghiệp, cùng xây dựng phương án sản xuất, thống nhất kỹ thuật tưới tiêu đề lên kế hoạch cấp thoát nước theo khả năng đảm nhận từ công trình. Cũng từ đây trách nhiệm của từng bên được xác định rõ, làm cơ sở tin cậy cho việc thực hiện tốt những tinh thần của kế hoạch đó.

Nền kinh tế của ta đang chuyển mạnh từ chế độ bao cấp sang hạch toán kinh doanh. Các cụm và xí nghiệp thủy nông cần được giao đủ quyền và điều kiện cho việc hạch toán độc lập. Mức

(Xem tiếp trang 47)

ng nghiệp công tư hợp doanh) hoặc phải nộp thuế (nếu bên bán lixăng là cá nhân hoặc pháp nhân thuộc khu vực kinh tế tập thể, tư nhân hay bên nước ngoài bán lixăng tại Việt Nam). Khoản trích nộp ngân sách Nhà nước hoặc thuế qui định như sau:

— Đối với các khoản thu theo phương thức trả gọn, hoặc trả theo kỳ vụ cho những hợp đồng lixăng có thời hạn hiệu lực dưới 5 năm, các cá nhân và pháp nhân (kể cả khu vực quốc doanh cũng như khu vực kinh tế tập thể, tư nhân hoặc bên nước ngoài) phải trích nộp cho ngân sách Nhà nước hoặc thuế là 10% giá trị hợp đồng.

— Đối với các khoản thu trả theo kỳ vụ, cho những hợp đồng lixăng có thời hạn hiệu lực trên 5 năm phải trích nộp ngân sách Nhà nước hoặc thuế 15% giá trị hợp đồng.

2. Đối với các hợp đồng lixăng được ký với bên nước ngoài, khoản trích nộp ngân sách Nhà nước hoặc thuế phải được nộp bằng ngoại tệ thanh toán cho hợp đồng.

Điều 24: Để khuyến khích đẩy mạnh lao động sáng tạo, các pháp nhân là cơ quan, xí nghiệp của Nhà nước hoặc xí nghiệp công tư hợp doanh được phép trích 25% tiền thu được do việc bán lixăng (sau khi đã trừ đi các chi phí phục vụ cho việc đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng và trừ đi khoản trích nộp ngân sách Nhà nước nêu tại điều 23 của Điều lệ) để trả thù lao cho tác giả (và đồng tác giả nếu có), cho những người đã trực tiếp giúp đỡ tác giả hoàn thiện giải pháp kỹ thuật đã được bán và trả cho những người trực tiếp giúp đơn vị chuẩn bị hợp đồng lixăng. Phần còn lại đơn vị trích lập quỹ theo hướng dẫn của Nhà nước.

Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm và có quyền quyết định việc trả thù lao nói trên, theo đúng những quy định và hướng dẫn thực hành của Nhà nước liên quan tới việc trả thù lao cho các hoạt động sở hữu công nghiệp.

Điều 25:

1. Các cá nhân và pháp nhân có lixăng bán ra nước ngoài được quyền sử dụng ngoại tệ theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

2. Khuyến khích các cá nhân và pháp nhân nước ngoài dùng tiền bán lixăng cho bên Việt Nam để đầu tư vào sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam và việc đầu tư này, bên nước ngoài được hưởng quyền lợi theo quy định của luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Chương VI

ĐIỀU KIỆN THI HÀNH

Điều 26: Chủ nhiệm Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước có trách nhiệm ban hành hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan để ban hành các thông tư giải thích và hướng dẫn bản Điều lệ này.

Điều 27: Bộ trưởng các bộ, chủ nhiệm ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm ban hành các quy định cụ thể để áp dụng trong ngành mình, địa phương mình đồng thời có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi kiểm tra tình hình thực hiện Điều lệ này.

VẤN ĐỀ BẢO VỆ ...

(Tiếp theo trang 25)

và nguồn thu thủy lợi phải sao cho đủ chi để nộp Nhà nước phần khấu hao vốn xây dựng cơ bản (theo chỉ tiêu), chi phí cho quản lý (tu sửa thường xuyên hàng năm và định kỳ, lương bộ máy bảo vệ quản lý khai thác, trả tiền điện, dầu...).

Để kích thích được lực lượng quản lý khai thác, thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ đóng góp của người được hưởng lợi từ công trình, bảo đảm có đủ nguồn vốn cho tu sửa, khấu hao công trình để tái sản xuất mở rộng, cần giao quyền chủ động cho từng xí nghiệp quản lý, bảo đảm công trình phát huy hiệu quả cao.

3. Về tổ chức quản lý, với cơ chế khoán trong nông nghiệp hiện nay thì đội quản lý thủy nông theo HTX không còn phù hợp. Nên tổ chức theo vùng nhỏ cũng hưởng lợi của một đối tượng công

trình cụ thể cấp thoát nước. Sử dụng lực lượng từ nhân dân, có văn hóa, được bồi dưỡng về kỹ thuật thủy lợi - nông nghiệp, vừa sản xuất nông nghiệp nhưng vừa tham gia quản lý sử dụng công trình trong vùng nhỏ theo chế độ lương kiêm nhiệm. Bộ máy quản lý của cụm hay xí nghiệp thủy nông sẽ là người trực tiếp điều hành chung để thực hiện tốt nhiệm vụ đã hoạch định cho nó.

Khoa học thủy lợi vừa có tính kỹ thuật lại vừa có tính xã hội. Công trình xây dựng thường yêu cầu một kinh phí rất lớn. Nếu toàn dân hiểu rõ được ý nghĩa - tác dụng của những công trình được xây dựng ra đang phục vụ trực tiếp ngay đến cuộc sống - xã hội của bản thân, thì chính toàn dân sẽ tích cực bảo vệ và khai thác tốt, biết nâng niu quý trọng để phát huy hiệu quả ngày càng cao.

Biên tập: Đặng Ngọc Bảo